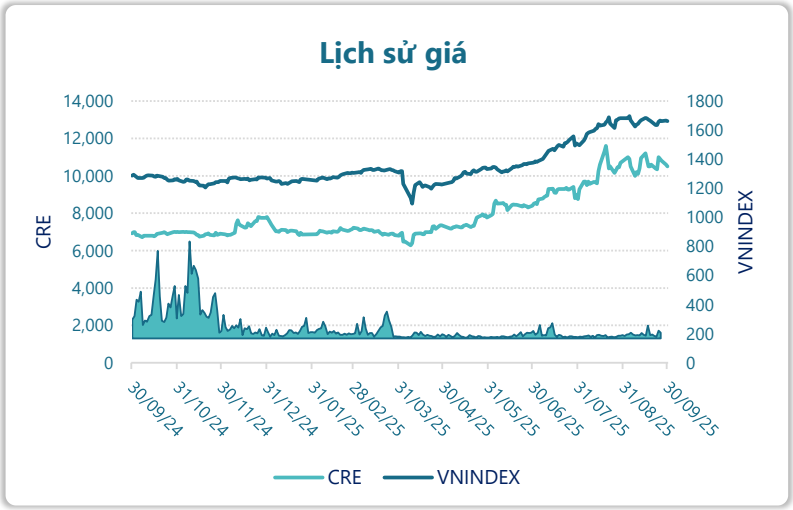
FireAnt

CTCP Bất động sản Thế Kỷ (HSX: CRE)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,280
SL cổ phiếu LH	463,678,426
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,359,490
% sở hữu nước ngoài	3.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,869
P/E	63.3
EPS	166

DT thuần

Q3/25

334

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0| -4.5%

YoY: ▲ 6.00| 1.9%

LN sau thuế

Q3/25

20.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.7| -50.8%

YoY: ▲ 4.00| 25.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.5%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

9T 2025

838

tỷ VNĐ

YoY: ▼317| -27.4%

LN sau thuế

9T 2025

63.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.9| 99.7%

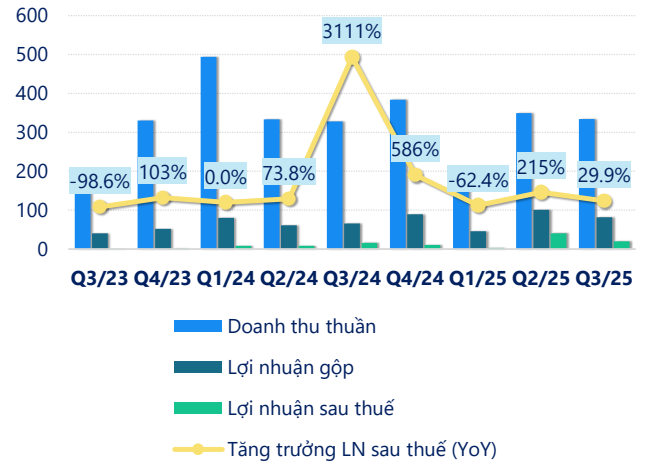
ROE

Q3/25

1.3%

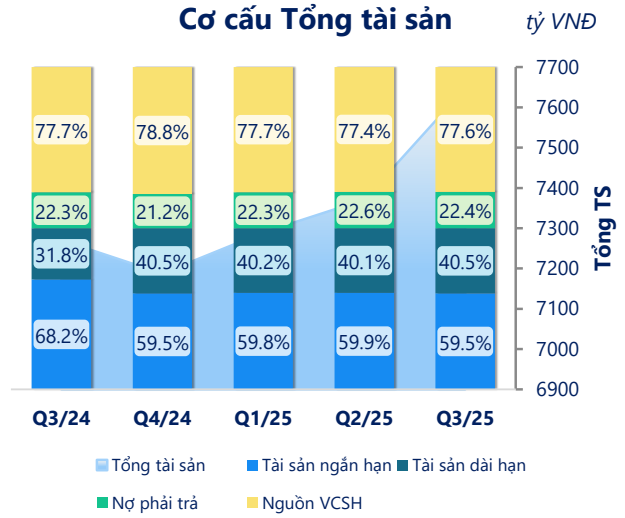
+/- YoY: ▲ 0.8%

Kết quả kinh doanh



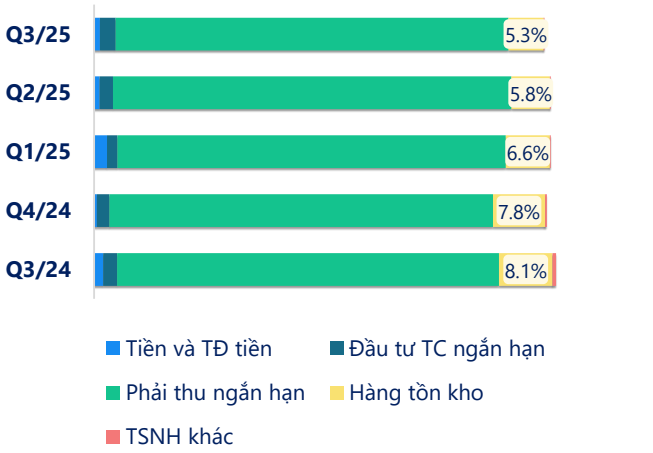
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



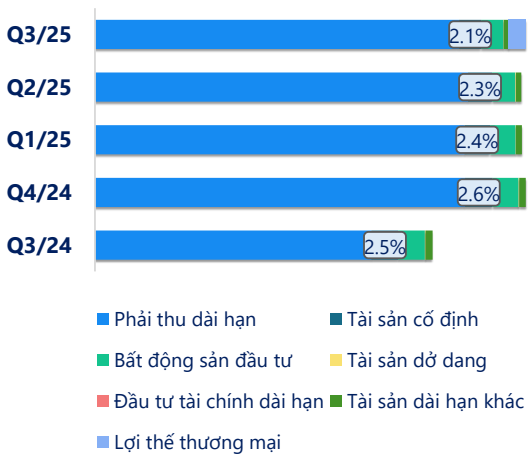
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



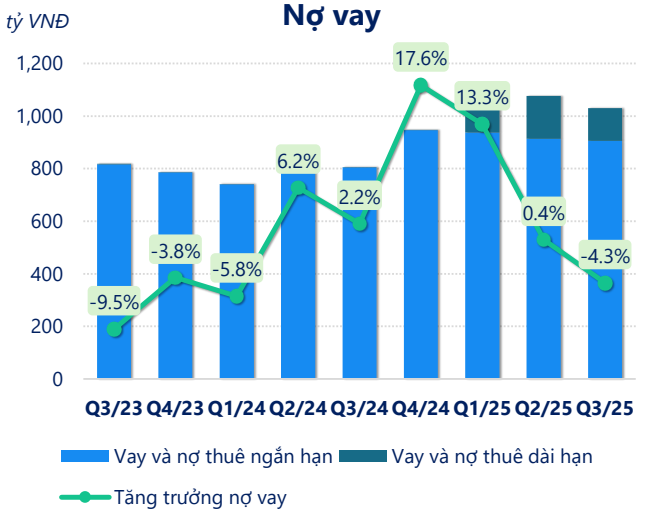
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



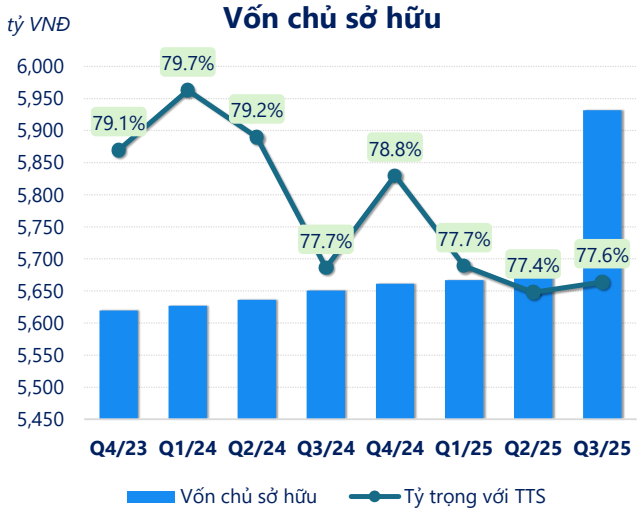
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



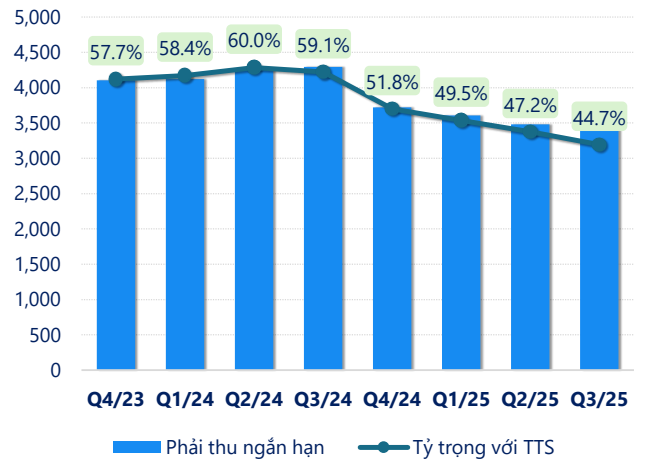
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



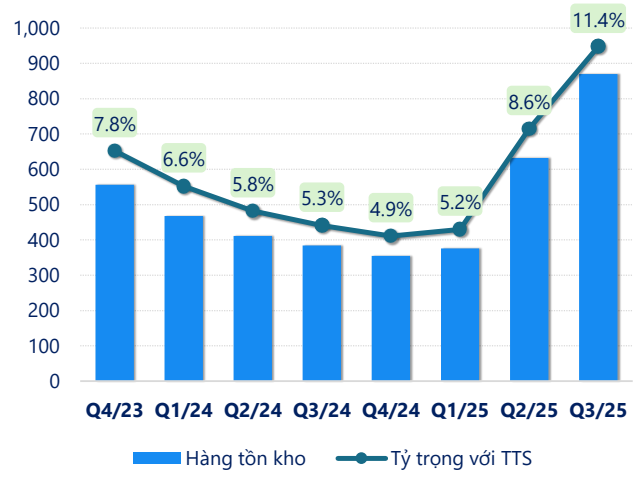
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



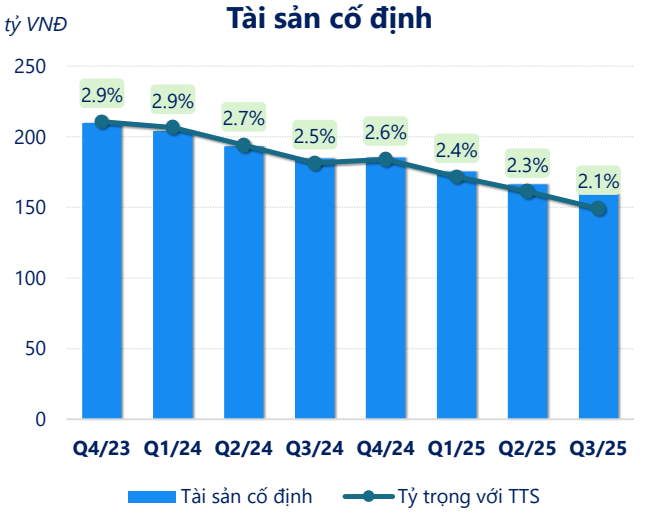
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



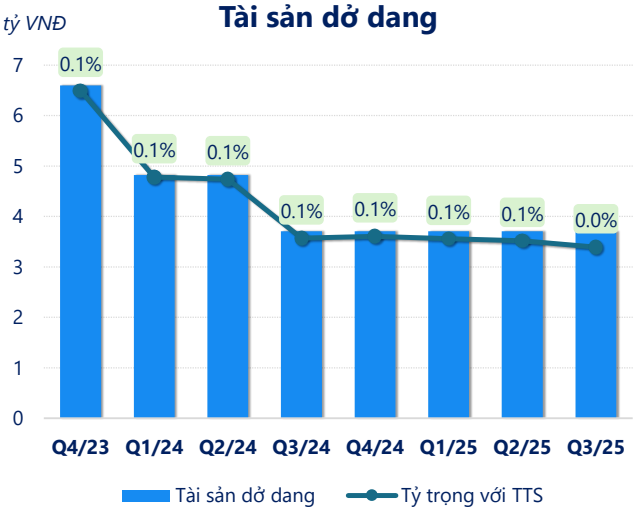
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



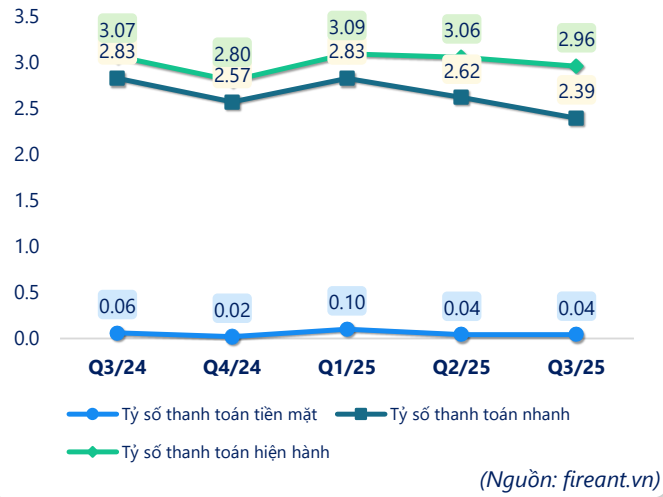
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



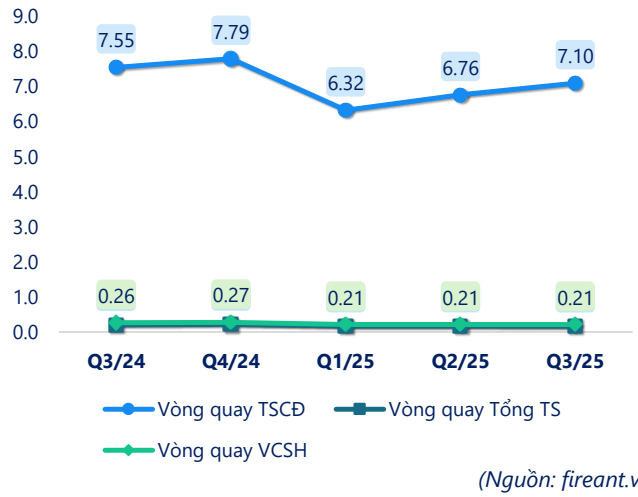
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**7,271**	**7,187**	**7,289**	**7,371**	**7,648**
Tài sản ngắn hạn	**4,962**	**4,276**	**4,363**	**4,415**	**4,549**
Tiền và tương đương tiền	98.0	31.0	142	60.0	65.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	175	157	227	225	180
Phải thu ngắn hạn	4,295	3,722	3,608	3,482	3,419
Hàng tồn kho	384	354	376	632	869
Tài sản ngắn hạn khác	9.01	11.6	9.79	16.6	14.8
Tài sản dài hạn	**2,309**	**2,911**	**2,927**	**2,956**	**3,099**
Phải thu dài hạn	1,890	2,501	2,532	2,586	2,618
Tài sản cố định	185	185	175	166	160
Bất động sản đầu tư	181	177	175	161	159
Tài sản dở dang	3.71	3.71	3.71	3.71	3.71
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	49.3	44.5	40.5	38.8	34.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	125
Nợ phải trả	**1,620**	**1,526**	**1,623**	**1,663**	**1,717**
Nợ ngắn hạn	**1,619**	**1,525**	**1,410**	**1,445**	**1,537**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	804	946	937	914	906
Phải trả người bán ngắn hạn	165	134	112	161	159
Nợ dài hạn	1.29	0.89	213	218	180
Vay và nợ thuê dài hạn	0.76	0.51	135	163	124
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,651**	**5,661**	**5,667**	**5,708**	**5,932**
Vốn chủ sở hữu	**5,651**	**5,661**	**5,667**	**5,708**	**5,932**
Vốn điều lệ	4,637	4,637	4,637	4,637	4,637
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)